



BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

CÔNG TY CỔ PHẦN ỐNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

(đã được kiểm toán)

A member of  International

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02-03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04-05
Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán	06-38
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	06-08
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	09
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	10-11
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	12-38

CÔNG TY CỔ PHẦN ÔNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE

Khu công nghiệp Bình Xuyên,
Xã Đạo Đức, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Ông thép Việt - Đức VG PIPE (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Ông thép Việt - Đức VG PIPE được thành lập và hoạt động theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần số 2500267703 (số cũ: 1903000254) do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Vĩnh Phúc cấp ngày 31 tháng 01 năm 2007, đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 07 tháng 11 năm 2013.

Trụ sở chính của Công ty tại Khu công nghiệp Bình Xuyên, Xã Đạo Đức, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

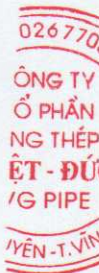
Ông Lê Minh Hải	Chủ tịch	Được bầu là Chủ tịch từ ngày 04/01/2013
Ông Nguyễn Ngọc Bảo	Phó Chủ tịch	Được bầu là Phó Chủ tịch từ ngày 04/01/2013
Ông Lê Phan Đức	Thành viên	Thôi chức Chủ tịch từ ngày 04/01/2013
Ông Nguyễn Hữu Thê	Thành viên	
Bà Nguyễn Thị Nhi	Thành viên	
Ông Ngô Vi Anh Tú	Thành viên	Bỏ nhiệm ngày 23/03/2013
Ông Nguyễn Vinh Tuyên	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 23/03/2013

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Hữu Thê	Tổng Giám đốc	
Ông Lê Minh Hải	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 04/01/2013
Ông Lê Phan Đức	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 04/01/2013
Bà Nguyễn Thị Nhi	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Phạm Văn Quang	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Lê Văn Sơn	Phó Tổng Giám đốc	Bỏ nhiệm ngày 07/05/2013 Miễn nhiệm ngày 16/12/2013
Ông Nguyễn Tuấn Hưng	Phó Tổng Giám đốc	Bỏ nhiệm ngày 16/12/2013

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông Phạm Hoàng Tú	Trưởng ban	Bỏ nhiệm ngày 23/03/2013
Ông Ngô Vi Anh Tú	Trưởng ban	Miễn nhiệm ngày 23/03/2013
Bà Nguyễn Thị Xuân Hòa	Thành viên	Bỏ nhiệm ngày 23/03/2013
Ông Nguyễn Đức Vị	Thành viên	Bỏ nhiệm ngày 23/03/2013
Ông Ngô Anh Trâm	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 23/03/2013
Ông Lê Văn Sơn	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 23/03/2013



CÔNG TY CỔ PHẦN ỐNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE

Khu công nghiệp Bình Xuyên,
Xã Đạo Đức, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính hợp nhất cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2013, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 52/2012/TT-BTC ngày 05 tháng 04 năm 2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.



Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

Nguyễn Hữu Thê
Tổng Giám đốc

Vĩnh Phúc, ngày 10 tháng 01 năm 2014

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Ống thép Việt - Đức VG PIPE**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Ống thép Việt - Đức VG PIPE được lập ngày 10 tháng 01 năm 2014, từ trang 06 đến trang 38, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 và Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Ống thép Việt - Đức VG PIPE tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



Nguyễn Thanh Tùng
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
Số: 0063-2013-002-1

Lê Đức Minh
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
Số: 1628-2013-002-1

Hà Nội, ngày 10 tháng 03 năm 2014

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013


Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2013	01/01/2013
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		585.196.015.446	792.606.092.010
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	19.607.619.867	31.503.347.807
111	1. Tiền		19.607.619.867	31.503.347.807
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn		25.500.000	81.600.000
121	1. Đầu tư ngắn hạn		81.600.000	81.600.000
129	2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn		(56.100.000)	-
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		345.832.935.463	528.589.601.099
131	1. Phải thu của khách hàng		326.661.175.765	522.508.009.361
132	2. Trả trước cho người bán		21.752.390.518	2.753.971.175
135	5. Các khoản phải thu khác	4	2.878.739.826	3.327.620.563
139	6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(5.459.370.646)	-
140	IV. Hàng tồn kho	5	181.144.918.717	213.080.307.176
141	1. Hàng tồn kho		181.144.918.717	213.080.307.176
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		38.585.041.399	19.351.235.928
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		163.614.151	94.371.095
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		13.507.280.784	9.362.966.203
154	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		31.911.773	27.964.879
158	5. Tài sản ngắn hạn khác	6	24.882.234.691	9.865.933.751
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		490.759.977.270	479.402.896.328
220	II. Tài sản cố định		240.313.809.194	227.254.555.744
221	1. Tài sản cố định hữu hình	7	164.672.781.723	184.929.762.505
222	- Nguyên giá		304.062.322.843	301.615.158.645
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(139.389.541.120)	(116.685.396.140)
227	3. Tài sản cố định vô hình	8	16.023.751.774	16.386.209.361
228	- Nguyên giá		18.354.489.829	18.354.489.829
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(2.330.738.055)	(1.968.280.468)
230	4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	9	59.617.275.697	25.938.583.878
250	IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	10	238.175.490.002	241.872.798.523
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh		78.175.490.002	81.872.798.523
258	3. Đầu tư dài hạn khác		160.000.000.000	160.000.000.000
260	V. Tài sản dài hạn khác		12.270.678.074	10.275.542.061
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	11	12.270.678.074	10.275.542.061
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		1.075.955.992.716	1.272.008.988.338


BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤTTại ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2013	01/01/2013
			VND	VND
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		588.708.913.480	791.234.825.485
310	I. Nợ ngắn hạn		548.839.540.235	788.288.290.567
311	1. Vay và nợ ngắn hạn	12	467.072.837.949	512.042.439.215
312	2. Phải trả người bán		71.172.342.067	246.414.474.931
313	3. Người mua trả tiền trước		937.523.595	2.853.112.173
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	13	2.430.524.381	475.409.129
315	5. Phải trả người lao động		2.836.900.029	3.104.676.608
316	6. Chi phí phải trả	14	907.366.720	3.642.224.308
319	9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	15	578.764.844	18.100.864.941
323	11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		2.903.280.650	1.655.089.262
330	II. Nợ dài hạn		39.869.373.245	2.946.534.918
333	3. Phải trả dài hạn khác	16	21.048.910.700	2.529.810.700
334	4. Vay và nợ dài hạn	17	18.791.008.000	-
335	5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả		-	-
338	8. Doanh thu chưa thực hiện		29.454.545	416.724.218
400	B. VỐN CHỦ SỞ HỮU		486.596.972.967	480.129.041.286
410	I. Vốn chủ sở hữu	18	486.596.972.967	480.129.041.286
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		375.997.100.000	375.997.100.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		67.810.722.053	67.810.722.053
414	4. Cổ phiếu quỹ		(15.990.198.846)	(15.990.198.846)
417	7. Quỹ đầu tư phát triển		13.053.610.919	10.889.892.639
418	8. Quỹ dự phòng tài chính		6.401.805.459	5.319.946.318
420	10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		39.323.933.382	36.101.579.122
439	C. LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ		650.106.269	645.121.567
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		1.075.955.992.716	1.272.008.988.338

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	31/12/2013	01/01/2013
5. Ngoại tệ các loại			
- Đồng đô la Mỹ (USD)		375.307,38	695.185,34


Nguyễn Thị Thúy
Người lập


Nguyễn Thị Nhi
Kế toán trưởng

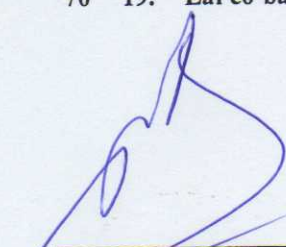

Nguyễn Hữu Thê
Tổng Giám đốc

Vĩnh Phúc, ngày 10 tháng 01 năm 2014

C.T.C.P
VĨNH
PHÚC

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
Năm 2013

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2013		Năm 2012	
			VND	VND		
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	19	2.192.396.872.438	2.821.791.473.970		
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	20	7.131.457.293	4.706.729.566		
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	21	2.185.265.415.145	2.817.084.744.404		
11	4. Giá vốn hàng bán	22	2.084.637.720.389	2.738.563.496.411		
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		100.627.694.756	78.521.247.993		
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	23	27.761.801.827	38.202.283.771		
22	7. Chi phí tài chính	24	55.018.595.488	74.014.292.766		
23	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>		53.905.445.939	72.846.127.222		
24	8. Chi phí bán hàng	25	33.499.173.071	18.455.394.021		
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	20.741.678.149	17.280.452.465		
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		19.130.049.875	6.973.392.512		
31	11. Thu nhập khác	27	1.020.055.654	9.137.055.051		
32	12. Chi phí khác	28	2.262.174.306	7.512.423.422		
40	13. Lợi nhuận khác		(1.242.118.652)	1.624.631.629		
45	14. Phần lãi (lỗ) trong công ty liên kết, liên doanh		(3.697.308.521)	4.357.798.523		
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		14.190.622.702	12.955.822.664		
51	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	29	1.593.550.831	556.641.447		
60	18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		12.597.071.871	12.399.181.217		
61	18.1. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số		5.057.808	3.896.426		
62	18.2. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ		12.592.014.063	12.395.284.791		
70	19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	30		344		


Nguyễn Thị Thúy
Người lập


Nguyễn Thị Nhi
Kế toán trưởng



Nguyễn Hữu Thế
Tổng Giám đốc

Vĩnh Phúc, ngày 10 tháng 01 năm 2014

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Năm 2013

(Theo phương pháp gián tiếp)

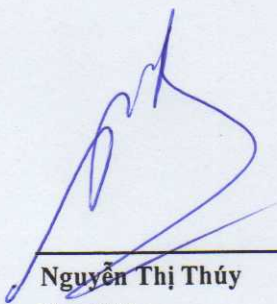
Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2013	Năm 2012
			VND	VND
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		14.190.622.702	12.955.822.664
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định		24.527.833.489	22.240.791.216
03	- Các khoản dự phòng		5.515.470.646	(3.235.450.000)
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện		-	(24.822.096)
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(19.686.929.875)	(37.778.740.119)
06	- Chi phí lãi vay		53.905.445.939	72.846.127.222
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		78.452.442.901	67.003.728.887
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		156.103.268.644	(123.099.975.022)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		31.935.388.459	47.197.440.743
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		(175.416.319.874)	31.003.658.309
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		(2.064.379.069)	3.205.802.572
13	- Tiền lãi vay đã trả		(57.243.341.535)	(70.624.648.882)
14	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(1.136.794.176)	(106.443.872)
15	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		21.023.643.389	28.467.796.436
16	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(19.354.928.456)	(24.790.047.530)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		32.298.980.283	(41.742.688.359)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(38.911.641.895)	(82.694.939.990)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		997.545.455	132.727.273
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		-	1.972.000.000
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		23.851.612.230	35.730.375.022
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(14.062.484.210)	(44.859.837.695)
	III LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		2.054.797.825.341	2.458.177.811.866
34	4. Tiền chi trả nợ gốc vay		(2.080.976.418.607)	(2.365.198.763.176)
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(3.953.630.747)	-
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(30.132.224.013)	92.979.048.690
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(11.895.727.940)	6.376.522.636

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Năm 2013

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2013	Năm 2012
			VND	VND
60	Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm		31.503.347.807	25.102.003.075
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		-	24.822.096
70	Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	3	<u>19.607.619.867</u>	<u>31.503.347.807</u>




Nguyễn Thị Thúy
Người lập



Nguyễn Thị Nhi
Kế toán trưởng




Nguyễn Hữu Thử
Tổng Giám đốc

Vĩnh Phúc, ngày 10 tháng 01 năm 2014



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Năm 2013**1 . THÔNG TIN CHUNG****1.1 . Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Ống thép Việt - Đức VG PIPE được thành lập và hoạt động theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần số 2500267703 (số cũ: 1903000254) do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Vĩnh Phúc cấp ngày 31 tháng 01 năm 2007, đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 07 tháng 11 năm 2013.

Trụ sở chính của Công ty tại Khu công nghiệp Bình Xuyên, Xã Đạo Đức, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc.

Vốn điều lệ của Công ty là 375.997.100.000 đồng; tương đương 37.599.710 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Các công ty con của Công ty được hợp nhất báo cáo tài chính tại thời điểm 31/12/2013 như sau:

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Thép Việt Đức	Tỉnh Vĩnh Phúc	99,92%	99,92%	Sản xuất tôn cán nguội và ống thép cỡ lớn
Công ty Cổ phần Đầu tư Công nghiệp Việt - Đức	Tỉnh Vĩnh Phúc	96,08%	96,08%	Sản xuất bu lông, ốc vít xuất khẩu

Các công ty liên kết của Công ty được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu tại thời điểm 31/12/2013 như sau:

- Công ty Cổ phần Sản xuất thép Việt Đức
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Đức

Thông tin về các công ty liên kết của Công ty xem chi tiết tại Thuyết minh số 10.

1.2 . Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh của Công ty gồm:

- Sản xuất các loại ống thép, ống inox; Sản xuất các sản phẩm từ thép; Sản xuất kết bực, tủ sắt, kết sắt, thang sắt, đồ sắt tráng men; Sản xuất các cấu kiện thép cho xây dựng (dầm cầu thép, xà, thanh giằng, các cột thép, cột ăng ten truyền hình...);
- Sản xuất khung bằng thép (khung nhà, kho...); Kéo dây sắt, thép; Dệt lưới thép, kim loại; Sản xuất thép không gỉ, inox;
- Dựng, lắp kết cấu thép và bê tông đúc sẵn; Luyện gang, thép;
- Xây dựng công trình công nghiệp, giao thông, thủy lợi, thương mại và dân dụng;
- Kinh doanh dịch vụ khách sạn; Kinh doanh dịch vụ ăn uống đầy đủ;
- Vận tải hành khách, hàng hóa, bê tông tươi đường bộ bằng ô tô;
- Bốc xếp hàng hóa; Dịch vụ kho vận;
- Kinh doanh lữ hành nội địa; quốc tế;
- Cho thuê nhà phục vụ mục đích kinh doanh (ki-ốt, trung tâm thương mại); Cho thuê kho, bãi đỗ xe;

Hoạt động kinh doanh của Công ty (*tiếp theo*)

- Đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa; Môi giới thương mại;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 đã được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

2.3 . Cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập trên cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính riêng của Công ty và báo cáo tài chính của các công ty con do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12 năm 2013. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Báo cáo tài chính của các công ty con được lập cho cùng năm kế toán với báo cáo tài chính của Công ty, áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Công ty. Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để đảm bảo tính nhất quán trong các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất từ ngày mua lại hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty đó.

Các số dư, thu nhập và chi phí chủ yếu, kể cả các khoản lãi hay lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần lợi nhuận hoặc lỗ và tài sản thuần không nắm giữ bởi cổ đông của Công ty và được trình bày ở mục riêng trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất và Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất.

2.4 . Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Trong Báo cáo tài chính hợp nhất các khoản đầu tư vào công ty liên kết được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

2.5 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.6 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá 03 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.7 . Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho từng khoản phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

2.8 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang: chi phí nguyên vật liệu chính cho từng loại sản phẩm chưa hoàn thành.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.9 . Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 30 năm
- Máy móc; thiết bị	05 - 10 năm
- Phương tiện vận tải	06 - 10 năm
- Thiết bị văn phòng	03 - 05 năm

Tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất bao gồm chi phí thực tế bỏ ra để có quyền sử dụng đất và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng theo thời gian sử dụng, cụ thể như sau:

- Quyền sử dụng 60.700m² đất tại Xã Đạo Đức, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc với thời gian 50 năm;
- Quyền sử dụng 2.720m² đất tại Xã Quang Minh, Huyện Mê Linh, Thành phố Hà Nội với thời gian 49 năm;
- Quyền sử dụng 1.577m² đất tại Phường Khai Quang và Phường Liên Bảo, Thành phố Vĩnh Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc với thời gian sử dụng 49 năm;
- Quyền sử dụng đất 330 m² tại Khu biệt thự nhà vườn, Xã Quang Minh, Huyện Mê Linh, Thành phố Hà Nội với thời hạn sử dụng không xác định.

Từ tháng 6 năm 2013, Công ty đã thực hiện thay đổi chính sách kế toán đối với tài sản cố định và khấu hao TSCĐ theo hướng dẫn tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ, cụ thể như sau:

- Nguyên giá tối thiểu của tài sản cố định tăng từ 10 triệu đồng lên 30 triệu đồng. Đối với những tài sản cố định trước đây không thỏa mãn điều kiện này thì giá trị còn lại được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

2.10 . Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Kỳ phiếu, tín phiếu kho bạc, tiền gửi ngân hàng có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là "tương đương tiền";
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối kỳ là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường hoặc giá trị hợp lý của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

- Đối với các khoản đầu tư chứng khoán: nếu chứng khoán đã được niêm yết thì giá trị thị trường được tính theo giá giao dịch bình quân tại ngày trích lập dự phòng trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX) hoặc giá đóng cửa tại ngày trích lập dự phòng trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSX); nếu chứng khoán chưa được niêm yết trên thị trường chứng khoán thì giá trị thị trường được xác định theo giá giao dịch bình quân trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) tại ngày lập dự phòng hoặc giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch được cung cấp tối thiểu bởi ba công ty chứng khoán tại thời điểm lập dự phòng. Trường hợp không thể xác định được giá thị trường của chứng khoán thì Công ty không trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán. Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy giao dịch, ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi thì giá trị thị trường là giá trị sổ sách tại ngày lập bảng cân đối kế toán gần nhất.
- Đối với các khoản đầu tư dài hạn vào tổ chức kinh tế: mức trích lập dự phòng được xác định dựa vào báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của tổ chức kinh tế.

2.11 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

2.12 . Chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh của một năm tài chính hoặc một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí đã phát sinh trong năm tài chính nhưng liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các niên độ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.13 . Chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

2.14 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm Thặng dư vốn cổ phần.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi (lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy cổ phiếu quỹ.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hội tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hội tố sai sót trọng yếu của các năm trước. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

2.15 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ (tiền mặt, tiền gửi, tiền đang chuyển, nợ phải thu, nợ phải trả không bao gồm các khoản Người mua ứng trước và Ứng trước cho người bán, Doanh thu nhận trước) có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản công bố tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán.

2.16 . Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

2.17 . Ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.18 . Các khoản thuế

Thuế hiện hành

Tài sản thuế và các khoản thuế phải nộp cho kỳ kế toán hiện hành và các kỳ kế toán trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ tính thuế.

Theo Quyết định số 1397/QĐ-CT ngày 17/05/2007 của Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc, Công ty Cổ phần Ống thép Việt Đức - VG PIPE được kế thừa toàn bộ ưu đãi đầu tư theo Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư số 184/CNUĐĐT ngày 21/01/2003 và Quyết định số 1879/QĐ-UB ngày 19/05/2003 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc cấp cho dự án đầu tư Nhà máy sản xuất ống thép của Công ty Cổ phần Thép và Vật tư Công nghiệp (SIMCO). Theo đó, Công ty được hưởng các ưu đãi sau:

- Được áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 20%, miễn thuế thu nhập doanh nghiệp 03 năm đầu và giảm 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong 07 năm tiếp theo kể từ năm 2007;
- Được giảm 75% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cho phần thu nhập tăng thêm do xuất khẩu mang lại;
- Được miễn thuế thu nhập cá nhân có được của các thành viên Công ty do góp vốn mua cổ phần đầu tư vào dự án trong thời hạn 10 năm kể từ khi nhà đầu tư đó có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập cá nhân theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập đối với cá nhân;

Theo Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư số 184/CNUĐĐT ngày 21/01/2003 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc, Quyết định số 168/CT-QĐ ngày 21/05/2003 của Cục trưởng Cục thuế tỉnh Vĩnh Phúc về việc miễn giảm tiền thuê đất cho cơ sở sản xuất kinh doanh, Công ty được miễn tiền thuê đất đến 04/12/2020.

Theo Giấy chứng nhận đầu tư số 192210000014 ngày 23 tháng 10 năm 2007 do Ban quản lý các Khu công nghiệp Tỉnh Vĩnh Phúc cấp, Giấy chứng nhận đầu tư điều chỉnh lần thứ 2 ngày 28/11/2008 thì Công ty Cổ phần Thép Việt Đức được hưởng các ưu đãi sau:

- Thuế thu nhập doanh nghiệp áp dụng là 15% trong vòng 12 (mười hai) năm kể từ khi đi vào hoạt động kinh doanh. Được miễn thuế 03 (ba) năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% số thuế phải nộp trong vòng 07 (bảy) năm tiếp theo. Công ty kết thúc giai đoạn đầu tư và chính thức đi vào hoạt động sản xuất kinh doanh từ năm 2009, năm 2009 cũng là năm đầu tiên Công ty có thu nhập chịu thuế.
- Được miễn thuế nhập khẩu đối với hàng hóa nhập khẩu để tạo tài sản cố định của doanh nghiệp;
- Được miễn tiền thuê đất 11 (mười một) năm kể từ ngày dự án đi vào hoạt động.

Theo Giấy chứng nhận đầu tư số 192032000038 do Ban Quản lý các Khu công nghiệp Vĩnh Phúc cấp ngày 09/05/2007, chứng nhận thay đổi lần thứ tư ngày 19/08/2009 thì Công ty Cổ phần Đầu tư Công nghiệp Việt - Đức VGI được hưởng những ưu đãi sau:

- Đối với lĩnh vực sản xuất các sản phẩm bu lông, ốc vít, các sản phẩm từ thép, thuế thu nhập doanh nghiệp là 20% (hai mươi phần trăm) lợi nhuận thu được áp dụng trong 10 (mười) năm và sau đó 25% (hai mươi lăm phần trăm) trong những năm tiếp theo. Được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 02 (hai) năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% (năm mươi phần trăm) số thuế phải nộp trong 03 (ba) năm tiếp theo. Công ty kết thúc giai đoạn đầu tư và chính thức đi vào hoạt động sản xuất kinh doanh từ năm 2007, năm 2008 là năm đầu tiên Công ty có thu nhập chịu thuế.
- Đối với lĩnh vực kinh doanh thương mại các sản phẩm từ thép: thuế thu nhập doanh nghiệp là 25% (hai mươi lăm phần trăm) lợi nhuận thu được áp dụng trong suốt thời hạn thực hiện dự án;
- Công ty được miễn thuế nhập khẩu đối với hàng hóa được nhập khẩu theo quy định tại Điều 16 Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu số 45/2005/QH11 ngày 14 tháng 08 năm 2005 và Điều 16 Nghị định 149/2005/NĐ-CP ngày 08 tháng 12 năm 2005 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật thuế nhập khẩu, thuế xuất khẩu.

CÔNG TY CỔ PHẦN ÔNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE

Khu công nghiệp Bình Xuyên,
Xã Đạo Đức, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Tiền mặt	1.000.109.778	848.818.312
Tiền gửi ngân hàng	18.607.510.089	30.654.529.495
	19.607.619.867	31.503.347.807

4 . CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Phải thu về bảo hiểm xã hội	33.240.524	22.469.501
Phải thu về bảo hiểm y tế	-	20.065.996
Phải thu về bảo hiểm thất nghiệp	-	2.878.480
Phải thu về lãi tiền gửi, lãi tiền cho vay, lãi chậm trả	1.887.555.556	2.066.666.667
Phải thu khác	957.943.746	1.215.539.919
	2.878.739.826	3.327.620.563

5 . HÀNG TỒN KHO

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	72.472.232.800	67.658.599.747
Công cụ, dụng cụ	193.859.903	196.203.915
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	7.911.922.989	12.507.668.628
Thành phẩm	93.851.852.140	129.521.202.084
Hàng hoá	6.715.050.885	1.450.176.128
Hàng gửi đi bán	-	1.746.456.674
	181.144.918.717	213.080.307.176

Hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố, đảm bảo các khoản vay xem chi tiết tại thuyết minh số 12.

6 . TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Tạm ứng	19.971.668.811	6.805.720.691
Các khoản thế chấp, ký quỹ, ký cược	4.910.565.880	3.060.213.060
	24.882.234.691	9.865.933.751

CÔNG TY CỔ PHẦN ÓNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE

Khu công nghiệp Bình Xuyên,
Xã Đạo Đức, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

7 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc		Máy móc, thiết bị		Phương tiện vận tải, truyền dẫn		Thiết bị, dụng cụ quản lý		Tài sản cố định khác		Cộng	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá												
Tại ngày 01/01/2013	120.043.822.545	168.587.737.602	11.426.720.148	1.556.878.350	-	301.615.158.645						
Mua sắm	1.175.870.000	1.155.207.349	2.901.872.727	-	-	5.232.950.076						
Thanh lý, nhượng bán	-	(2.624.991.629)	-	-	-	(2.624.991.629)						
Giảm khác (*)	-	(132.549.886)	(11.921.636)	(16.322.727)	-	(160.794.249)						
Tại ngày 31/12/2013	121.219.692.545	166.985.403.436	14.316.671.239	1.540.555.623	-	304.062.322.843						
Giá trị hao mòn lũy kế												
Tại ngày 01/01/2013	23.801.352.268	86.192.237.375	6.242.704.100	449.102.397	-	116.685.396.140						
Trích khấu hao	5.505.520.727	16.810.898.025	1.593.841.711	255.115.439	-	24.165.375.902						
Phân loại lại	-	(82.185.236)	82.185.236	-	-	-						
Thanh lý, nhượng bán	-	(1.339.183.451)	-	-	-	(1.339.183.451)						
Giảm khác (*)	-	(99.367.360)	(10.949.980)	(11.730.131)	-	(122.047.471)						
Tại ngày 31/12/2013	29.306.872.995	101.482.399.353	7.907.781.067	692.487.705	-	139.389.541.120						
Giá trị còn lại												
Tại ngày 01/01/2013	96.242.470.277	82.395.500.227	5.184.016.048	1.107.775.953	-	184.929.762.505						
Tại ngày 31/12/2013	91.912.819.550	65.503.004.083	6.408.890.172	848.067.918	-	164.672.781.723						

Trong đó:

- Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 56.667.167.037 đồng.

(*) Giảm khác là các tài sản không thỏa mãn điều kiện là tài sản cố định theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

8 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Giá trị quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Cộng
	VND	VND	VND
Nguyên giá			
Tại ngày 01/01/2013	18.219.064.829	135.425.000	18.354.489.829
Tại ngày 31/12/2013	18.219.064.829	135.425.000	18.354.489.829
Giá trị hao mòn lũy kế			
Tại ngày 01/01/2013	1.848.946.718	119.333.750	1.968.280.468
Trích khấu hao	348.387.587	14.070.000	362.457.587
Tại ngày 31/12/2013	2.197.334.305	133.403.750	2.330.738.055
Giá trị còn lại			
Tại ngày 01/01/2013	16.370.118.111	16.091.250	16.386.209.361
Tại ngày 31/12/2013	16.021.730.524	2.021.250	16.023.751.774

9 . CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Tại ngày đầu năm	25.938.583.878	16.496.578.863
Tăng	33.678.691.819	69.372.540.867
Kết chuyển tăng tài sản cố định	-	(59.374.284.050)
Giảm khác	-	(556.251.802)
Tại ngày cuối năm	59.617.275.697	25.938.583.878
Trong đó chi tiết số dư cuối năm bao gồm:		
	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Xây dựng cơ bản dở dang	59.617.275.697	25.938.583.878
Hạ tầng lô đất CC4 Khu đô thị mới Vân Canh ⁽¹⁾	8.574.545.454	8.574.545.454
Dự án Khu đô thị mới tại Mê Linh ⁽²⁾	18.226.876.663	17.364.038.424
Dự án Nhà máy tôn mạ kẽm ⁽³⁾	32.815.853.580	-
	59.617.275.697	25.938.583.878

- (1) Chi phí chuyển nhượng hạ tầng lô đất CC4 Khu đô thị mới Vân Canh. Hiện tại dự án vẫn đang trong quá trình chờ cấp giấy phép đầu tư.
- (2) Hợp tác đầu tư dự án Khu đô thị mới tại Mê Linh với Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Việt Đức theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2011 của Công ty Cổ phần Ống thép Việt - Đức VG PIPE và quyết định chấp thuận đầu tư số 2204/QĐ-UBND của Ủy Ban Nhân dân Tỉnh Vĩnh Phúc. Thông tin chi tiết về dự án xem tại thuyết minh số 16.
- (3) Dự án Dây chuyền sản xuất tôn cuộn mạ kẽm nhúng nóng được đầu tư tại KCN Bình Xuyên, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc theo Quyết định số 13/QĐ-VĐ của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Thép Việt Đức với tổng mức đầu tư 40 tỷ có công suất 60.000 tấn/năm. Thời gian dự kiến xây dựng từ tháng 09 năm 2013 đến tháng 01 năm 2014. Tại ngày 31/12/2013, Dự án đang trong quá trình chạy thử.

CÔNG TY CỔ PHẦN ỚNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE

Khu công nghiệp Bình Xuyên,
Xã Đạo Đức, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

10 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	78.175.490.002	81.872.798.523
Công ty Cổ phần Sản xuất thép Việt Đức	68.540.280.795	70.115.808.122
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Đức	9.635.209.207	11.756.990.401
Đầu tư dài hạn khác	160.000.000.000	160.000.000.000
	<u>238.175.490.002</u>	<u>241.872.798.523</u>

Đầu tư vào công ty liên kết

Thông tin chi tiết về các công ty liên kết của Công ty vào ngày 31/12/2013 như sau:

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Sản xuất thép Việt Đức	Tỉnh Vĩnh Phúc	46,90%	49,00%	Sản xuất thép chất lượng cao
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Đức	Tỉnh Vĩnh Phúc	30,64%	26,00%	Đầu tư kinh doanh bất động sản

Đầu tư dài hạn khác

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Cho Công ty Cổ phần Sản xuất thép Việt Đức vay dài hạn (*)	160.000.000.000	160.000.000.000
	<u>160.000.000.000</u>	<u>160.000.000.000</u>

(*) Theo Nghị quyết Hội đồng quản trị số 07/2011-NQ-VGP ngày 16/10/2011 và Hợp đồng, phụ lục hợp đồng cho vay ngày 20/10/2011, Công ty Cổ phần Ống thép Việt - Đức VG PIPE đồng ý cho Công ty Cổ phần Sản xuất thép Việt Đức vay số tiền là 160 tỷ đồng để đầu tư xây dựng nhà máy thép chất lượng cao. Thời hạn vay là 5 năm, lãi suất sẽ được áp dụng theo tỷ lệ lãi vay của các ngân hàng cho Công ty Cổ phần Sản xuất Thép Việt Đức vay.

11 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Tại ngày đầu năm	10.275.542.061	13.254.095.350
Tăng	7.104.911.076	7.269.389.959
Kết chuyển vào chi phí sản xuất kinh doanh	(5.109.775.063)	(10.247.943.248)
Tại ngày cuối năm	<u>12.270.678.074</u>	<u>10.275.542.061</u>

Trong đó chi tiết số dư cuối năm bao gồm:

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Giá trị lợi thế kinh doanh của quyền sử dụng đất	6.764.476.142	6.940.940.737
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	662.419.590	1.538.268.905
Chi phí sửa chữa tài sản chờ phân bổ	1.665.855.651	1.061.948.684
Chi phí trả trước dài hạn khác	3.177.926.691	734.383.735
	<u>12.270.678.074</u>	<u>10.275.542.061</u>

12 . VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Vay ngắn hạn	464.872.837.949	508.573.167.806
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Phúc Yên ⁽¹⁾	213.300.328.000	290.965.674.000
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Bình Xuyên ⁽²⁾	114.704.404.949	78.770.000.000
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam - CN Vĩnh Phúc ⁽³⁾	53.358.935.000	43.874.800.000
Ngân hàng TMCP An Bình - CN Vĩnh Phúc ⁽⁴⁾	27.689.170.000	35.417.500.000
Ngân hàng TMCP Đại Dương - Phòng GD Đào Duy Anh ⁽⁵⁾	55.820.000.000	11.311.000.000
Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam - CN Vĩnh Phúc	-	48.234.193.806
Nợ dài hạn đến hạn trả	2.200.000.000	3.469.271.409
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Phúc Yên	2.200.000.000	3.469.271.409
(Xem thuyết minh 17)		
	467.072.837.949	512.042.439.215

Thông tin bổ sung cho các khoản vay ngắn hạn

(1) Bao gồm 2 hợp đồng sau:

Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2013/HĐHM ngày 02/05/2013, với các điều khoản chi tiết sau:

- + Hạn mức tín dụng: 300 tỷ đồng; số dư gốc vay tại ngày 31/12/2013 là 193.338.518.000 đồng;
- + Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh;
- + Thời hạn vay theo từng giấy nhận nợ cụ thể, tối đa không quá 6 tháng kể từ ngày nhận nợ;
- + Lãi suất cho vay: theo cơ chế điều hành lãi suất của ngân hàng trong từng thời kỳ và được xác định trong từng hợp đồng tín dụng cụ thể; lãi suất tại ngày 31/12/2013 là 10%/năm;
- + Các hình thức bảo đảm tiền vay: thế chấp, cầm cố bằng tài sản của công ty; số dư tài khoản tiền gửi tại ngân hàng; các khoản thu theo hợp đồng kinh tế ký kết với các đối tác mà công ty là người thụ hưởng.
- + Số dư gốc vay tại ngày 31/12/2013 là 193.338.518.000 đồng.

Hợp đồng hạn mức tín dụng số 01/2013/HĐHM ngày 02/05/2013 với các điều khoản chi tiết sau:

- + Hạn mức tín dụng: 120 tỷ; số dư gốc vay tại ngày 31/12/2013 là 19.961.810.000 đồng;
- + Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động;
- + Thời hạn của hợp đồng: từ 02/05/2013 đến 30/04/2014, theo từng giấy nhận nợ;
- + Lãi suất cho vay: được xác định trong từng Hợp đồng tín dụng cụ thể theo chế độ lãi suất của Ngân hàng trong từng thời kỳ; lãi suất thực tế của số dư khoản tiền vay ngày 31/12/2013 10%/năm;
- + Các hình thức bảo đảm tiền vay: số dư tài khoản kinh doanh bằng VND của bên vay tại các ngân hàng và tổ chức tín dụng khác, khoản phải thu theo các hợp đồng kinh tế được bên vay ký kết với các đối tác khác mà bên vay thụ hưởng.
- + Số dư gốc vay tại ngày 31/12/2013 là 19.961.810.000 đồng.

(2) Bao gồm 2 hợp đồng sau:

Hợp đồng tín dụng số 53.066/2013-HĐTDHM/NHCT262 - VGS ngày 29/08/2013, với các điều khoản sau:

- + Hạn mức tín dụng: 80 tỷ đồng;
- + Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động phục vụ phương án sản xuất kinh doanh thép, ống thép và các sản phẩm khác từ thép;
- + Thời hạn duy trì hạn mức từ ngày 29/08/2013 đến 15/08/2014, thời gian vay theo từng giấy nhận nợ cụ thể, tối đa không quá 4 tháng kể từ ngày nhận nợ;
- + Lãi suất cho vay: áp dụng linh hoạt theo cơ chế điều hành lãi suất của ngân hàng trong từng thời kỳ, lãi suất tại ngày 31/12/2013 là 8,5%/năm;
- + Các hình thức bảo đảm tiền vay: được đảm bảo bằng hàng hóa quy định tại các hợp đồng thế chấp hàng hóa kèm theo mà 2 bên đã ký kết.
- + Số dư gốc vay tại ngày 31/12/2013 là 69.300.000.000 đồng.

Hợp đồng hạn mức tín dụng số 13.53.0088/2013-HĐTDHM/NHCT262-VDS ngày 25/11/2013 với các điều khoản chi tiết sau:

- + Hạn mức tín dụng: 50 tỷ; Số dư gốc vay tại ngày 31/12/2013 là 45.404.404.949 đồng;
- + Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh;
- + Thời hạn của hợp đồng: ngày 25/11/2013 đến ngày 30/11/2014, theo từng giấy nhận nợ nhưng tối đa không quá 04 tháng;
- + Lãi suất cho vay: được xác định trong từng Hợp đồng tín dụng cụ thể theo chế độ lãi suất của Ngân hàng trong từng thời kỳ; lãi suất thực tế của số dư khoản tiền vay ngày 31/12/2013 từ 8,5%/năm đến 9,5%/năm;
- + Các hình thức bảo đảm tiền vay: thế chấp, cầm cố bằng tài sản của công ty theo các hợp đồng thế chấp tài sản kèm theo với tổng giá trị thế chấp là 46,38 tỷ đồng.
- + Số dư gốc vay tại ngày 31/12/2013 là 45.404.404.949 đồng.

(3) Hợp đồng tín dụng số 0181338/HĐTD2/VIB ngày 03/07/2013, với các điều khoản chi tiết sau:

- + Hạn mức tín dụng: 60 tỷ đồng;
- + Mục đích vay: đáp ứng nhu cầu về vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất và kinh doanh ống thép và các sản phẩm từ thép;
- + Thời hạn vay theo từng giấy nhận nợ cụ thể, tối đa không quá 5 tháng kể từ ngày nhận nợ;
- + Lãi suất cho vay: áp dụng linh hoạt theo cơ chế điều hành lãi suất của ngân hàng trong từng thời kỳ; quy định trong từng giấy nhận nợ cụ thể, lãi suất tại ngày 31/12/2013 là 9,4%/năm;
- + Các hình thức bảo đảm tiền vay: thế chấp bằng hàng tồn kho luân chuyển (gồm ống thép các loại, tôn nguyên cuộn, phôi thép, thép xây dựng, thép hình) và các khoản phải thu từ đại lý cấp 1 của bên vay.
- + Số dư gốc vay tại ngày 31/12/2013 là 53.358.935.000 đồng.

(4) Hợp đồng tín dụng số 145/12/TDXXI ngày 31/10/2012, với các điều khoản chi tiết sau:

- + Hạn mức tín dụng: 70 tỷ đồng;
- + Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ kinh doanh, kinh doanh ống thép; thanh toán tiền nhập khẩu nguyên vật liệu phục vụ sản xuất;
- + Thời hạn vay theo từng giấy nhận nợ cụ thể, tối đa không quá 6 tháng kể từ ngày nhận nợ;
- + Lãi suất cho vay: được quy định cụ thể trong từng phụ lục hợp đồng kèm theo, lãi suất tại ngày 31/12/2013 là 10,5%/năm;
- + Các hình thức bảo đảm tiền vay: tài sản hình thành từ vốn vay là NVL nhập khẩu theo L/C, hàng tồn kho luân chuyển là thành phẩm ống thép các loại.
- + Số dư gốc vay tại ngày 31/12/2013 là 27.689.170.000 đồng.

(5) Hợp đồng tín dụng số 0025/2012/HĐTD01 ngày 31/10/2012, với các điều khoản chi tiết sau:

- + Hạn mức tín dụng: 100 tỷ đồng;
- + Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ kinh doanh;
- + Thời hạn vay: 06 tháng/khế ước kể từ ngày nhận nợ;
- + Lãi suất cho vay: áp dụng linh hoạt theo cơ chế điều hành lãi suất của ngân hàng tại thời điểm giải ngân, lãi suất tại ngày 31/12/2013 là 8,5%/năm;
- + Các hình thức bảo đảm tiền vay: Giá trị Quyền đòi nợ dựa trên Giá trị hợp đồng đầu ra đã ký kết thể hiện rõ số lượng, chủng loại, đơn giá cụ thể và phù hợp giá trị thực tế của thị trường.
- + Số dư gốc vay tại ngày 31/12/2013 là 55.820.000.000 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN ÓNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPEKhu công nghiệp Bình Xuyên,
Xã Đạo Đức, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc**Báo cáo tài chính hợp nhất**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013**13 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	925.112.971	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	1.505.169.595	404.297.605
Thuế Thu nhập cá nhân	241.815	71.111.524
	2.430.524.381	475.409.129

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

14 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Chi phí lãi vay phải trả	76.496.263	3.414.391.859
Chi phí phải trả khác	830.870.457	227.832.449
	907.366.720	3.642.224.308

15 . CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	163.013.453	195.389.176
Bảo hiểm xã hội	5.000.000	-
Bảo hiểm y tế	1.047.375	-
Bảo hiểm thất nghiệp	493.800	-
Phải trả cổ tức cho cổ đông	163.018.233	156.284.880
Phải trả, phải nộp khác	246.191.983	17.749.190.885
	578.764.844	18.100.864.941

CÔNG TY CỔ PHẦN ÓNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE

Khu công nghiệp Bình Xuyên,
Xã Đạo Đức, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

16 . PHẢI TRẢ DÀI HẠN KHÁC

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Phải trả hợp đồng hợp tác kinh doanh (*)	18.468.000.000	-
Nhận ký quỹ ký cược dài hạn	2.580.910.700	2.529.810.700
	21.048.910.700	2.529.810.700

(*) Phải trả hợp đồng hợp tác kinh doanh đã nhận của đối tác theo hợp đồng hợp tác kinh doanh về việc đầu tư Dự án Khu đô thị Việt Đức LEGEND CITY tại nút giao thông đường trục chính khu đô thị mới Mê Linh với quốc lộ 2A tại xã Đạo Đức, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh phúc giữa Công ty Cổ phần Ống thép Việt - Đức VG PIPE (Bên A) và Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Đức (Bên B), theo đó: các bên thống nhất sử dụng tư cách pháp lý, hóa đơn, mã số thuế, tài khoản của Bên A trong quá trình triển khai thực hiện Dự án, thành lập Ban điều hành Dự án để thay mặt các bên triển khai các thủ tục pháp lý, tổ chức quản lý kinh doanh và giám sát việc thực hiện hợp đồng; lợi nhuận sau thuế của Dự án được phân chia cho các bên theo tỷ lệ vốn đã góp, trong trường hợp cần thiết các bên sẽ phân chia sản phẩm của Dự án cho mỗi bên theo tỷ lệ vốn đã góp. Tổng vốn đầu tư dự kiến của dự án là 1.000 tỷ đồng, trong đó vốn tự có là 200 tỷ đồng (Công ty Cổ phần Ống thép Việt - Đức VG PIPE góp 26% tương đương 52 tỷ đồng, Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Đức góp 74% tương đương 148 tỷ đồng), vốn vay và huy động của các tổ chức cá nhân khác là 800 tỷ đồng.

17 . VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Vay dài hạn	18.791.008.000	-
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Phúc Yên ⁽¹⁾	18.791.008.000	-
	18.791.008.000	-

Thông tin bổ sung cho các khoản vay dài hạn

(1) Hợp đồng tín dụng số 01/2013/HD ngày 25/12/2013, với các điều khoản chi tiết sau:

- + Số tiền ngân hàng tối đa cho vay: 25 tỷ;
- + Mục đích vay: tiền vay được sử dụng cho dự án "Đầu tư mở rộng dây chuyền sản xuất tôn cuộn mạ kẽm nhúng nóng";
- + Thời hạn cho vay: 72 tháng kể từ ngày nhận món vay đầu tiên trong đó ân hạn 09 tháng;
- + Lãi suất cho vay: Áp dụng lãi suất cho vay thả nổi, tại thời điểm 31/12/2013 là 12,5%/năm;
- + Hình thức bảo đảm tiền vay: doanh thu chuyển qua tài khoản tiền gửi của Bên vay và tài sản thuộc dự án "Đầu tư mở rộng dây chuyền sản xuất tôn cuộn mạ kẽm nhúng nóng";
- + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối kỳ là 20.991.008.000 đồng, số dư nợ gốc phải trả trong năm tới là 2.200.000.000 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN ÓNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE

Khu công nghiệp Bình Xuyên,
Xã Đạo Đức, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

18 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của Chủ sở hữu		Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ		Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính		Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND		VND	VND		VND	VND		
Năm 2012										
Tại ngày 01/01/2012	375.997.100.000	67.810.722.053	(15.990.198.846)	10.889.892.639	5.319.946.318	23.706.294.331	467.733.756.495			
Lãi trong năm	-	-	-	-	-	12.395.284.791	12.395.284.791			
Tại ngày 31/12/2012	375.997.100.000	67.810.722.053	(15.990.198.846)	10.889.892.639	5.319.946.318	36.101.579.122	480.129.041.286			
Năm 2013										
Tại ngày 01/01/2013	375.997.100.000	67.810.722.053	(15.990.198.846)	10.889.892.639	5.319.946.318	36.101.579.122	480.129.041.286			
Lãi trong năm	-	-	-	-	-	12.592.014.063	12.592.014.063			
Phân phối lợi nhuận năm 2012 ⁽¹⁾	-	-	-	795.993.508	397.996.755	(5.950.347.873)	(4.756.357.610)			
Tạm phân phối lợi nhuận năm 2013 ⁽²⁾	-	-	-	1.367.724.772	683.862.386	(3.419.311.930)	(1.367.724.772)			
Tại ngày 31/12/2013	375.997.100.000	67.810.722.053	(15.990.198.846)	13.053.610.919	6.401.805.459	39.323.933.382	486.596.972.967			

(1) Theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông thường niên năm 2013 ngày 23 tháng 03 năm 2013, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận năm 2012 như sau:

	Tỷ lệ	Số tiền
	%	VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2012	100,00%	7.083.379.219
Trích Quỹ đầu tư phát triển	10,00%	708.337.922
Trích Quỹ dự phòng tài chính	5,00%	354.168.961
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	10,00%	708.337.922
Chi trả cổ tức (bằng 1,1% vốn điều lệ)	55,91%	3.960.364.100
Lợi nhuận chưa phân phối	19,09%	1.352.170.314

(2) Theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông thường niên năm 2013 ngày 23 tháng 03 năm 2013, Đại hội đồng cổ đông đã thông qua phương án trích lập các quỹ từ lợi nhuận năm 2013, do đó căn cứ vào kết quả kinh doanh năm 2013, Công ty đã tạm trích lập các quỹ từ lợi nhuận sau thuế năm 2013 như sau:

	Tỷ lệ	Số tiền
	%	VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	100,00%	13.677.247.716
Trích Quỹ đầu tư phát triển	10,00%	1.367.724.772
Trích Quỹ dự phòng tài chính	5,00%	683.862.386
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	10,00%	1.367.724.772
Lợi nhuận chưa phân phối còn lại	75,00%	10.257.955.786

28
KIỂM
AA
KIỂM
NG T
HIỆM
KIỂM

M.S.O

CÔNG TY CỔ PHẦN ỚNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE

Khu công nghiệp Bình Xuyên,
Xã Đạo Đức, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ (%)	31/12/2013 VND	Tỷ lệ (%)	01/01/2013 VND
Ông Lê Minh Hải	6,03%	22.660.000.000	6,03%	22.660.000.000
Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy	6,28%	23.624.990.000	6,28%	23.624.990.000
Các cổ đông khác	87,69%	329.712.110.000	87,69%	329.712.110.000
	100%	375.997.100.000	100%	375.997.100.000

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	375.997.100.000	375.997.100.000
- <i>Vốn góp đầu năm</i>	375.997.100.000	375.997.100.000
- <i>Vốn góp cuối năm</i>	375.997.100.000	375.997.100.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	3.960.364.100	-
- <i>Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước</i>	3.960.364.100	-

d) Cổ phiếu

	31/12/2013	01/01/2013
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	37.599.710	37.599.710
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	37.599.710	37.599.710
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	37.599.710	37.599.710
Số lượng cổ phiếu được mua lại	1.596.400	1.596.400
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	1.596.400	1.596.400
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	36.003.310	36.003.310
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	36.003.310	36.003.310
Mệnh giá cổ phiếu đã lưu hành (VND)	10.000	10.000

e) Các quỹ công ty

	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
Quỹ đầu tư phát triển	13.053.610.919	10.889.892.639
Quỹ dự phòng tài chính	6.401.805.459	5.319.946.318
	19.455.416.378	16.209.838.957

19 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Doanh thu bán thành phẩm	1.150.826.857.292	1.242.202.272.886
Doanh thu bán hàng hóa	1.036.500.765.130	1.575.016.106.295
Doanh thu cung cấp dịch vụ	5.069.250.016	4.573.094.789
	2.192.396.872.438	2.821.791.473.970

CÔNG TY CỔ PHẦN ỚNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE

Khu công nghiệp Bình Xuyên,
Xã Đạo Đức, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

20 . CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Chiết khấu thương mại	6.881.632.889	4.407.857.730
Giảm giá hàng bán	78.579.636	-
Hàng bán bị trả lại	171.244.768	298.871.836
	7.131.457.293	4.706.729.566

21 . DOANH THU THUẦN BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Doanh thu thuần về bán thành phẩm	1.143.773.979.635	1.237.509.501.598
Doanh thu thuần về bán hàng hóa	1.036.422.185.494	1.575.002.148.017
Doanh thu thuần về cung cấp dịch vụ	5.069.250.016	4.573.094.789
	2.185.265.415.145	2.817.084.744.404

22 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Giá vốn của thành phẩm đã bán	1.052.706.436.122	1.193.795.947.300
Giá vốn của hàng hóa đã bán	1.030.581.989.452	1.543.415.864.923
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	1.349.294.815	1.351.684.188
	2.084.637.720.389	2.738.563.496.411

23 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay vốn	23.364.194.869	27.824.677.804
Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	2.721.317.252	7.285.697.218
Lãi từ thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn	-	1.972.000.000
Cổ tức, lợi nhuận được chia	308.306.250	-
Lãi bán ngoại tệ	1.367.983.456	1.095.086.653
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	-	24.822.096
	27.761.801.827	38.202.283.771

24 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Lãi tiền vay	53.905.445.939	72.846.127.222
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn	-	4.352.758.000
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	1.057.049.549	50.857.544
Dự phòng/ hoàn nhập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	56.100.000	(3.235.450.000)
	55.018.595.488	74.014.292.766

CÔNG TY CỔ PHẦN ỐNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPEKhu công nghiệp Bình Xuyên,
Xã Đạo Đức, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

25 . CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, đồ dùng	554.413.748	464.892.174
Chi phí nhân công	4.995.167.932	4.552.434.320
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.002.334.146	1.040.661.980
Chi phí dịch vụ mua ngoài	25.400.749.342	12.031.516.632
Chi phí khác bằng tiền	1.546.507.903	365.888.915
	33.499.173.071	18.455.394.021

26 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, đồ dùng	975.774.915	725.423.398
Chi phí nhân công	7.423.208.617	7.005.847.065
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.504.737.962	2.213.659.649
Thuế, phí, lệ phí	971.208.349	853.276.964
Chi phí dự phòng	5.459.370.646	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.121.638.232	5.363.242.934
Chi phí khác bằng tiền	1.285.739.428	1.119.002.455
	20.741.678.149	17.280.452.465

27 . THU NHẬP KHÁC

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Thu nhập từ thanh lý tài sản cố định	997.545.455	8.202.727.273
Hoàn nhập quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm	-	812.792.925
Thu nhập khác	22.510.199	121.534.853
	1.020.055.654	9.137.055.051

28 . CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Chi phí thanh lý tài sản	1.285.808.178	7.511.402.699
Chi phí khác	976.366.128	1.020.723
	2.262.174.306	7.512.423.422

29 . THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế và thuế suất hiện hành	3.983.877.078	1.988.005.167
Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn, giảm (*)	(2.390.326.247)	(1.431.363.720)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	1.593.550.831	556.641.447
Các khoản điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành năm nay	644.115.335	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu năm	376.591.134	(73.606.441)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong năm	(1.136.794.176)	(106.443.872)
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cuối năm	1.477.463.124	376.591.134

(*) Chi tiết các khoản thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn, giảm như sau:

- Công ty Cổ phần Ống thép Việt - Đức VG PIPE đang trong giai đoạn ưu đãi đầu tư. Theo đó, đối với hoạt động sản xuất, Công ty được hưởng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 20%, miễn nộp thuế thu nhập doanh nghiệp 3 năm đầu và được giảm 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong 7 năm tiếp theo kể từ năm 2007. Công ty được giảm 75% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cho phần thu nhập tăng thêm do xuất khẩu.
- Công ty Cổ phần Thép Việt Đức được áp dụng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 15% trong vòng 12 năm kể từ khi dự án bắt đầu đi hoạt động kinh doanh, được miễn thuế 03 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% số thuế phải nộp trong vòng 07 năm tiếp theo. Công ty kết thúc giai đoạn đầu tư và chính thức đi vào hoạt động sản xuất kinh doanh từ ngày 01/01/2009, năm 2009 cũng là năm đầu tiên Công ty có thu nhập chịu thuế.
- Công ty Cổ phần Đầu tư Công nghiệp Việt - Đức VGI được hưởng ưu đãi đối với lĩnh vực sản xuất các sản phẩm bu lông, ốc vít, các sản phẩm từ thép, theo đó Công ty được áp dụng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 20% (hai mươi phần trăm) trong 10 (mười) năm; Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 02 (hai) năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế (Công ty có thu nhập chịu thuế từ năm 2008) và giảm 50% (năm mươi phần trăm) số thuế phải nộp trong 03 (ba) năm tiếp theo đối với hoạt động sản xuất.

30 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau :

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Tổng lợi nhuận sau thuế	12.592.014.063	12.395.284.791
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	12.592.014.063	12.395.284.791
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	36.003.310	36.003.310
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	350	344

31 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.012.961.825.052	1.167.545.033.765
Chi phí nhân công	24.269.578.471	18.532.625.907
Chi phí khấu hao tài sản cố định	22.452.457.472	20.460.850.708
Chi phí dịch vụ mua ngoài	33.029.190.170	21.706.336.272
Chi phí khác bằng tiền	15.583.530.992	2.638.631.322
	1.108.296.582.157	1.230.883.477.974

32 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	31/12/2013		01/01/2013	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	19.607.619.867	-	31.503.347.807	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	329.539.915.591	(5.459.370.646)	525.835.629.924	-
Đầu tư ngắn hạn	81.600.000	(56.100.000)	81.600.000	-
Các khoản cho vay	160.000.000.000	-	160.000.000.000	-
	509.229.135.458	(5.515.470.646)	717.420.577.731	-

	Giá trị sổ kế toán	
	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Nợ phải trả tài chính		
Vay và nợ	485.863.845.949	512.042.439.215
Phải trả người bán, phải trả khác	92.800.017.611	267.045.150.572
Chi phí phải trả	907.366.720	3.642.224.308
	579.571.230.280	782.729.814.095

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về giá:

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc năm tài chính Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2013				
Tiền và các khoản tương đương tiền	19.607.619.867	-	-	19.607.619.867
Phải thu khách hàng, phải thu khác	324.080.544.945	-	-	324.080.544.945
Đầu tư ngắn hạn	25.500.000	-	-	25.500.000
Các khoản cho vay	-	160.000.000.000	-	160.000.000.000
	343.713.664.812	160.000.000.000	-	503.713.664.812
Tại ngày 01/01/2013				
Tiền và các khoản tương đương tiền	31.503.347.807	-	-	31.503.347.807
Phải thu khách hàng, phải thu khác	525.835.629.924	-	-	525.835.629.924
Đầu tư ngắn hạn	81.600.000	-	-	81.600.000
Các khoản cho vay	-	160.000.000.000	-	160.000.000.000
	557.420.577.731	160.000.000.000	-	717.420.577.731

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Tổng VND
Tại ngày 31/12/2013				
Vay và nợ	467.072.837.949	18.791.008.000	-	485.863.845.949
Phải trả người bán, phải trả khác	71.751.106.911	21.048.910.700	-	92.800.017.611
Chi phí phải trả	907.366.720	-	-	907.366.720
	<u>539.731.311.580</u>	<u>39.839.918.700</u>	<u>-</u>	<u>579.571.230.280</u>
Tại ngày 01/01/2013				
Vay và nợ	512.042.439.215	-	-	512.042.439.215
Phải trả người bán, phải trả khác	264.515.339.872	2.529.810.700	-	267.045.150.572
Chi phí phải trả	3.642.224.308	-	-	3.642.224.308
	<u>780.200.003.395</u>	<u>2.529.810.700</u>	<u>-</u>	<u>782.729.814.095</u>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

33 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất.



CÔNG TY CỔ PHẦN ÓNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE

Khu công nghiệp Bình Xuyên,
Xã Đạo Đức, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

34 . BÁO CÁO BỘ PHẬN

Theo lĩnh vực kinh doanh

	Hoạt động sản xuất VND	Hoạt động thương mại VND	Hoạt động dịch vụ VND	Tổng cộng các bộ phận VND	Loại trừ VND	Tổng cộng toàn doanh nghiệp VND
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.143.773.979.635	1.036.422.185.494	5.069.250.016	2.185.265.415.145	-	2.185.265.415.145
Chi phí bộ phận trực tiếp	1.052.706.436.122	1.030.581.989.452	1.349.294.815	2.084.637.720.389	-	2.084.637.720.389
Chi phí không phân bổ	-	-	-	-	-	-
Lợi nhuận gộp từ hoạt động kinh doanh	91.067.543.513	5.840.196.042	3.719.955.201	100.627.694.756	-	100.627.694.756
Tài sản bộ phận trực tiếp	470.025.758.833	218.669.261.733	1.435.257.072	690.130.277.638	-	690.130.277.638
Tài sản không phân bổ	-	-	-	385.825.715.078	-	385.825.715.078
Tổng tài sản	470.025.758.833	218.669.261.733	1.435.257.072	1.075.955.992.716	-	1.075.955.992.716
Nợ phải trả bộ phận trực tiếp	308.121.904.952	237.620.327.322	2.891.287.620	548.633.519.894	-	548.633.519.894
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	40.075.393.586	-	40.075.393.586
Tổng nợ phải trả	308.121.904.952	237.620.327.322	2.891.287.620	588.708.913.480	-	588.708.913.480

Theo khu vực địa lý

Hơn 90% hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam, do đó công ty không lập báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN ỚNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE

Khu công nghiệp Bình Xuyên,
Xã Đạo Đức, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

35 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Công ty có giao dịch với các bên liên quan như sau:

	<u>Mối quan hệ</u>	<u>Năm 2013</u>	<u>Năm 2012</u>
		VND	VND
Doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ			
Công ty CP Thép và Vật tư Công nghiệp	(*)	21.010.170.260	69.823.152.009
Công ty CP Sản xuất thép Việt Đức	Công ty liên kết	1.475.415.930	2.253.401.836
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Việt Đức	Công ty liên kết	38.449.785	1.350.496.128
Mua vật tư, hàng hóa, dịch vụ			
Công ty CP Thép và Vật tư Công nghiệp	(*)	262.667.922	118.230.901
Công ty CP Sản xuất thép Việt Đức	Công ty liên kết	1.473.285.512	8.933.117.107
Lãi cho vay vốn			
Công ty CP Sản xuất thép Việt Đức	Công ty liên kết	23.270.222.226	27.667.333.334

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán:

	<u>Mối quan hệ</u>	<u>31/12/2013</u>	<u>01/01/2013</u>
		VND	VND
Phải thu tiền hàng			
Công ty CP Thép và Vật tư Công nghiệp	(*)	457.319.628	22.038.095.133
Công ty CP Sản xuất thép Việt Đức	Công ty liên kết	2.176.536.310	2.842.214.736
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Việt Đức	Công ty liên kết	-	61.029.128
Cho vay dài hạn			
Công ty CP Sản xuất thép Việt Đức	Công ty liên kết	160.000.000.000	160.000.000.000
Phải thu lãi cho vay			
Công ty CP Sản xuất thép Việt Đức	Công ty liên kết	1.887.555.556	2.066.666.667
Phải trả tiền hàng			
Công ty CP Sản xuất thép Việt Đức	Công ty liên kết	99.369.192	1.731.320.374
Phải trả khác			
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Việt Đức	Công ty liên kết	18.468.000.000	17.740.000.000

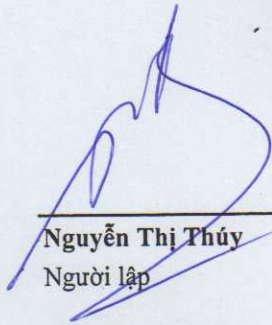
(*) Tổng Giám đốc Công ty CP Thép và Vật tư Công Nghiệp là vợ của Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty.

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Năm 2013</u>	<u>Năm 2012</u>
	VND	VND
Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng Quản trị	1.192.500.000	1.127.947.704

36 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012, đã được Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán (nay là Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC) kiểm toán.



Nguyễn Thị Thúy
Người lập



Nguyễn Thị Nhi
Kế toán trưởng



Nguyễn Hữu Thế
Tổng Giám đốc

Vĩnh Phúc, ngày 10 tháng 01 năm 2014

